TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 09-7-2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Chi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Kim Diễn

Ông Lương Hữu Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Hồng Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Nhẹ - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2025, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 19 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Thạch Thị Thu H, sinh năm 2002 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp T, xã H, tỉnh Vĩnh Long).

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp G, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp G, xã L, tỉnh Vĩnh Long)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/02/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thạch Thị Thu H trình bày:

Vào năm 2020 sau quá trình quen biết và tìm hiểu nhau qua mạng xã hội, chị và anh Huỳnh Văn Đ tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H vào ngày 03/12/2020. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống bên gia đình chồng tại ấp G, xã N (nay là xã L), sau 02 tháng kết hôn cả hai đã phát sinh mâu thuẫn, thường hay cự cải do anh Đ không quan tâm đến gia đình, từ tháng 3/2021 chị và anh Đ đã sống ly thân cho đến nay, từ khi ly thân đến nay hai bên không ai còn liên lạc qua lại. Nhận thấy, tình cảm phai nhạt, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Huỳnh Văn Đ.

Về con chung không có. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Huỳnh Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Thạch Thị Thu H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời giữ nguyên yêu cầu khởi khởi kiện xin ly hôn với anh Huỳnh Văn Đ; bị đơn anh Huỳnh Văn Đ vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

- *Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:*

+ Về tuân theo pháp luật về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Chị Thạch Thị Thu H và anh Huỳnh Văn Đ xác lập hôn hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại xã H vào ngày 03/12/2020 theo đúng quy định Luật hôn nhân và gia đình, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn được 02 tháng, chị H và anh Đ đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và đã sống ly thân từ tháng 03/2021 đến nay, từ khi sống ly thân đến nay không bên nào tạo điều kiện hàn gắn tình cảm, xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhận thấy, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo hòa giải tạo điều kiện để anh, chị hòa giải đoàn tụ vợ chồng, nhưng anh Đ đều vắng mặt không có lý do, từ đó chứng tỏ anh Đ đã bỏ mặt cuộc hôn nhân này, do đó việc chị H yêu cầu ly hôn với anh Đ là có căn cứ chấp nhận. Về con chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên

không đặt ra xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147, Điều 227; Điều 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Thạch Thị Thu H ly hôn với anh Huỳnh Văn Đ; Về con chung không có; Về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét giải quyết. Về án phí chị Thu H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Theo nội dung đơn khởi kiện chị Thạch Thị Thu H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Huỳnh Văn Đ, về con chung không có, về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự quan hệ pháp luật tranh chấp "Ly hôn".

Bị đơn anh Huỳnh Văn Đ nơi cư trú tại ấp G, xã N (nay là xã L). Căn cứ khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13, tỉnh Vĩnh Long.

Nguyên đơn chị H vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Huỳnh Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Chị H và anh Đ xác lập quan hệ hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H vào ngày 03/12/2020 theo đúng quy định Luật hôn nhân và gia đình, nên đây là hôn nhân hợp pháp được công nhận là vợ chồng.

Sau khi kết hôn và chung sống được khoảng 02 tháng bên gia đình nhà chồng ấp G, xã N (nay là ấp G, xã L) thì vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, từ đó chị H đã về nhà cha, mẹ ruột sinh sống từ tháng 03/2021 cho đến nay. Từ khi sống ly thân cho đến nay cả chị H và anh Đ không còn gặp nhau, tạo điều kiện hàn gắn tình cảm cùng nhau xây dựng gia đình trọn vẹn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Huỳnh Văn Đ đến Tòa án hòa giải tạo điều kiện đoàn tụ vợ chồng, nhưng anh Đ đều vắng mặt không có lý do, qua xác minh cha ruột của anh Huỳnh Văn Đ xác nhận vợ chồng anh Đ, chị H đã sống ly thân từ trước đến nay, không thể hàn gắn. Từ những căn cứ nêu trên, nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Đ đã trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị Thu H, cho chị H được ly hôn với anh Huỳnh Văn Đ.

[3] Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Thạch Thị Thu H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị H phải chịu bằng 300.000 đồng (Ba trăm ngìn đồng).

Từ nhận định và phân tích trên, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP, ngày 27 tháng 6 năm 2025 về hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thạch Thị Thu H.

1. Về hôn nhân: Cho chị Thạch Thị Thu H được ly hôn với anh Huỳnh Văn Đ.

2. Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bằng 300.000 đồng *(Ba trăm ngìn đồng)* nguyên đơn chị Thạch Thị Thu H phải chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bằng 300.000 đồng *(Ba trăm ngìn đồng)* chị H đã nộp theo biên lai thu số 0002854, ngày 06/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (Nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 13, tỉnh Vĩnh Long).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 13;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã Long Hiệp;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Huỳnh Thị Mỹ Chi